

CÔNG TY CP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÙNG THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÙNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THINH COMMERCIAL SERVICES AND TRAVEL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108925265

3. Ngày thành lập: 01/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 70 Hàng Mã, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
2.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7820
3.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
6.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
7.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh khách sạn, khu du lịch sinh thái và các dịch vụ liên quan đến khu du lịch sinh thái	5510

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ: Kim loại quý	4662
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khoá, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
19.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
20.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Loại trừ sản xuất vàng miếng	2420
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;	2599
23.	Hoạt động viễn thông không dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6120
24.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
25.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
26.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
28.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6190
29.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670

30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
32.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất	4330
36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
43.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
44.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
45.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
48.	Hoạt động viễn thông có dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6110
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

55.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
56.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
57.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép) Chi tiết: Loại trừ thuốc lá	4620
59.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Loại trừ đường mía và đường củ cải	4632
60.	Bán buôn đồ uống	4633
61.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ bán buôn sách, báo	4649
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Loại trừ thuốc lá, xì gà, gạo, đường mía và đường củ cải	4711
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ gạo	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ đường mía và đường củ cải	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn	4723
67.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
68.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép) Chi tiết: Bán lẻ băng, đĩa trắng trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
69.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
70.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4764
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4773
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
74.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
75.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010

76.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán)	7020
77.	Hoạt động thú y	7500
78.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	9103
79.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
80.	Đại lý du lịch	7911
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
82.	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ, nhà riêng, nhà máy, cửa hàng	8121
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục; Dịch vụ tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
85.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
86.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
87.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay	5229
89.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
90.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Phòng khám chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ; - Phòng khám chuyên khoa da liễu;	8620
91.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
92.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
93.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
94.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ karaoke - Kinh doanh dịch vụ vũ trường (Thực hiện theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 tại Nghị định 54/2019/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường).	9329

95.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
96.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
97.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
98.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
99.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6419
100.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật	9610
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
102.	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (Thực hiện theo Điều 3, Điều 20, Điều 33 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)	9200
103.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
104.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
105.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
106.	Vận tải hành khách hàng không (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5110
107.	Vận tải hàng hóa hàng không (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5120
108.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
111.	Bốc xếp hàng hóa	5224
112.	Bưu chính (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5310
113.	Chuyển phát (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5320
114.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
115.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
116.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
117.	Xây dựng nhà để ở	4101

118.	Xây dựng nhà không để ở	4102
119.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động bệnh viện	8610
120.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
121.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa	0118
122.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
123.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động phân phối điện	3512
124.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
125.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
126.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
127.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
128.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Xây dựng công trình: Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;	4299
129.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
131.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, xe đạp, xe máy, gara ô tô	5225

133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò	0990
134.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
135.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
136.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
137.	Giáo dục nhà trẻ	8511
138.	Giáo dục mẫu giáo	8512
139.	Giáo dục tiểu học	8521
140.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
141.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
142.	Đào tạo sơ cấp	8531
143.	Đào tạo cao đẳng	8533
144.	Đào tạo đại học	8541
145.	Đào tạo thạc sỹ	8542
146.	Đào tạo tiến sỹ	8543
147.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
148.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
149.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	6619
150.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
151.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
152.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
153.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310
154.	Lập trình máy vi tính	6201
155.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
156.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
157.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	8230
158.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
159.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
160.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; dịch vụ ăn uống lưu động	5610

161.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
162.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
163.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng)	7710
164.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (thực hiện theo Điều 74 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (thực hiện theo Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014); - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (thực hiện theo Điều 69 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014); - Dịch vụ môi giới bất động sản (thực hiện theo Điều 62 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014).	6820
165.	Hoạt động chiếu phim	5914
166.	Hoạt động thể thao khác	9319
167.	Điều hành tua du lịch	7912(Chính)
168.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
169.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
170.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
171.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
172.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
173.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
174.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
175.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
176.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
177.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
178.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ KIỀU HÙNG	Số nhà 31, Khu 3, Thị Trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	031075006790	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		
2	HÁN VĂN MINH	Thôn Đông Thẩm, Xã Đào Mỹ, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	121159103	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000		

3	LÊ SỸ HIỆP	Số 2A/166, Đường Chùa Hàng , Phường Đur Hàng, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	031853888	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ KIỀU HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031075006790

Ngày cấp: 22/10/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 31, Khu 3, Thị Trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 31, Khu 3, Thị Trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội